

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05/05/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.

- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Bùi Anh Đức
2. Bà Lâm Thị Tám

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Đăng - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐ-ST, ngày 16/3/2020 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà Dương Thị U, sinh năm 1975(Có mặt)

* ***Bị đơn:*** Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1973 (Có mặt).

* Con chung trên 7 tuổi: Cháu Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 20/10/2006.

Cùng địa chỉ: Số 45 ấp Hòa P, xã Hòa T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2020, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Dương Thị U trình bày:* Vào năm 1995 bà và ông Đ có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện của hai bên nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau cũng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn lý do là bất đồng quan điểm, tính tình không còn hợp nhau, thời gian gần đây ông Đ còn ghen tuông vô cớ bạo hành bà U. Nay bà Út nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được vì bà không còn tình cảm với ông Đ nữa nên bà U yêu cầu Tòa án giải quyết không công

nhận là vợ chồng với ông Đ. Về con chung trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu T, sinh ngày 12/4/1997 hiện đã trưởng thành và cháu Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 20/10/2006 hiện nay đang sống với bà U. Nay về con chung bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng, riêng về cháu T đã trưởng thành nên bà U không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung thì bà và ông Đ đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không nợ ai tài sản gì.

- Theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm này bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Vào năm 1995 ông và bà U có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện của hai bên nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau cũng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn lý do là bất đồng quan điểm, tính tình không còn hợp nhau. Nay bà U yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà U không phải là vợ chồng ông không đồng ý vì ông còn tình cảm với bà U. Về con chung tro ông không đồng ý vì ông còn tình cảm với bà U. Về con chung trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu T, sinh ngày 12/4/1997 hiện đã trưởng thành và cháu Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 20/10/2006 hiện nay đang sống với bà U. Nay về con chung ông thống nhất giao cháu T cho bà U được nuôi dưỡng ông không đồng ý cấp dưỡng, riêng về cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung thì ông bà và U đã tự thỏa thuận phân chia xong không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không nợ ai tài sản gì.

- Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay cháu Lê Thị Cẩm T trình bày: Cháu có nguyện vọng xin được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX tuyên bố quan hệ giữa bà U và ông Đ không phải là vợ chồng. Về con chung giao cho bà U được nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Cẩm T, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét. Về nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hôn nhân:

Bà U và ông Đ tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng ông bà không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi đám cưới thì vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do là bất đồng quan điểm, tính tình không còn hợp nhau, thời gian gần đây ông Đ còn ghen tuông vô cớ và bạo hành bà U. Vì vậy bà U mới yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận là vợ chồng với ông Đào.

Hội đồng xét xử xét thấy, do ông Đ và bà U không có đăng ký kết hôn và nay xảy ra tranh chấp thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình quy định “nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Nay bà U có đơn không công nhận là vợ chồng với ông Đ, theo khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu xin ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định khoản 1 Điều 14 của luật này, nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15, 16 của luật này*”.

Như vậy, căn cứ theo quy định trên thì về quan hệ hôn nhân, Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn Đ và bà Dương Thị U.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống ông Đào và bà Út 02 con chung là cháu Lê Thị Thu Trúc, sinh ngày 12/4/1997 hiện đã trưởng thành và cháu Lê Thị Cẩm Tú, sinh ngày 20/10/2006 hiện nay đang sống với bà U. Nay về con chung bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tú đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Đào cấp dưỡng, riêng về cháu T đã trưởng thành nên bà Út không yêu cầu giải quyết.

Xét thấy, cháu Lê Thị Cẩm T có nguyện vọng xin được sống với mẹ, từ trước đến nay các cháu T sống chung với bà U, do đó cần tiếp tục để cháu được sống chung với mẹ nên HĐXX thống nhất giao cháu T cho bà U được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, mặt khác tại phiên tòa ông Đ cũng thống nhất giao cháu T cho bà U nuôi dưỡng. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Riêng đối với cháu Lê Thị Thu T hiện đã trưởng thành nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà U không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết xử đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Đ.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia xong và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- *Về nợ chung*: Ông Đ và bà U không nợ ai tài sản gì nên không đặt ra xem xét.

- Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX tuyên bố quan hệ giữa bà U và ông Đ không phải là vợ chồng. Về con chung giao cho bà U được nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Cẩm T đến tuổi trưởng thành, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận

phân chia không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét. Về nợ chung, không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét. Như đã phân tích ở trên xét thấy đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội** thì bà U phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 8 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 9, Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố quan hệ giữa ông Lê Văn Đ và bà Dương Thị U không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà U được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cháu Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 20/10/2006 đến tuổi trưởng thành, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho ông Đ không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Dương Thị U phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0000195, ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà U đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải